

XUÂN BÁ

BÀI TẬP

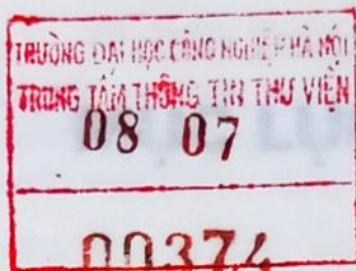
TRẮC NGHIỆM GIỚI TỪ TIẾNG ANH

TRÌNH ĐỘ
A, B, C



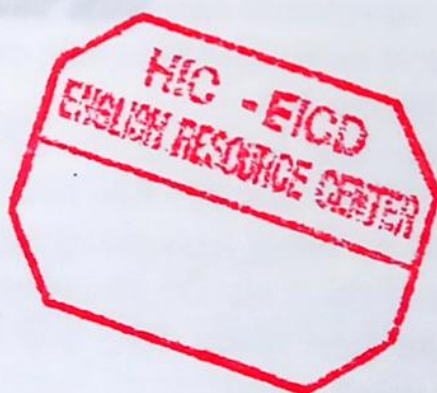
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

XUÂN BÁ



BÀI TẬP
TRẮC NGHIỆM GIỚI TỪ
TIẾNG ANH

TRÌNH ĐỘ A
TRÌNH ĐỘ B
TRÌNH ĐỘ C



THẾ GIỚI PUBLISHERS

MỤC LỤC

❖ Preposition	5
❖ Kinds of prepositions	6
❖ Part One: Level A	11
Notes	
❖ Part Two: Level B	55
Note	
Answer key	
❖ Part three: Level C	99
Note	
Answer key	

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn học viên thân mến!

Để có thêm tài liệu thiết thực phục vụ nhu cầu học tập và luyện thi chứng chỉ A, B, C Tiếng Anh ngày càng nhiều của đông đảo các bạn học viên, chúng tôi đã biên soạn và lần lượt cho ra mắt loạt sách gồm 8 tập như sau:

1. Bài tập Trắc Nghiệm Tiếng Anh.
2. Bài tập Đọc Hiểu Tiếng Anh.
3. Bài tập Điền Từ Tiếng Anh.
4. Bài tập Đặt Câu Tiếng Anh.
5. Bài tập Biến Đổi Câu Tiếng Anh.
6. Bài tập Cụm Động Từ Tiếng Anh.
7. Bài tập Trắc Nghiệm Giới Từ Tiếng Anh.
8. Bài tập Từ Vựng Tiếng Anh.

❖ Loạt sách trên có những đặc điểm sau:

- Cung cấp dồi dào số lượng bài tập về các bài qui định đối với môn thi Đọc – Viết như trắc nghiệm, đọc hiểu, điền từ, đặt câu v.v.....
- Mỗi một tập sách là một chuyên đề luyện thi riêng rẽ giúp bạn rèn luyện và nắm vững kiến thức cũng như kỹ năng mà mỗi loại hình bài tập đòi hỏi.
- Các bài tập được biên soạn cho cả 3 trình độ A, B, C theo đúng dạng thức đề thi của Bộ Giáo Dục - Đào Tạo. Riêng về Bài Tập Biến Đổi Câu Tiếng Anh chỉ có bài tập cho 2 trình độ B và C vì theo mẫu đề thi A của Bộ không có phần bài tập này.

Rất mong nhận được nhiều đóng góp quý báu của bạn đọc gần xa.
Chúc các bạn thành công.

Tác giả

PREPOSITION

(Giới từ)

Giới từ là một từ hoặc một nhóm từ nối danh từ hoặc một từ tương đương danh từ với các phần khác của một câu

Ex: Bring the cakes to Jane's house before Saturday.

giới từ

giới từ

I go to school.

giới từ

- ❖ Giới từ được dùng để diễn tả thời gian, nơi chốn, vị trí, nguyên nhân, mục đích, thể cách, phương tiện, sự quan hệ, sự di chuyển, phương hướng di chuyển.....
- ❖ Giới từ có thể là một từ đơn: in, on, at, by, to, about, across, from.

Ex: I live in Hanoi from 1979 to 1982.

(Tôi sống ở Hà Nội từ năm 1979 đến năm 1982)

He is in his room.

(Anh ấy ở trong phòng)

- ❖ Giới từ có thể gồm một nhóm từ: in front of, on top of, because of

Ex: The bus stops right in front of our house.

(Xe buýt dừng ngay ở đằng trước nhà chúng tôi)

Her address is on the top of the letter.

(Địa chỉ của cô ấy ở trên đầu lá thư)

Kinds of prepositions.

1. Prepositions of time (Giới từ chỉ thời gian):

- Before (trước): I shall come here before this afternoon.
- After (sau): We shall meet after 8 o'clock.
- During (trong khi): During the week.
- On (vào lúc): Come and see me on Mondays!
- Since (từ khi): I have lived here since last year.
- Till (cho đến khi): I wait for you till 5 o'clock.
- At (hồi, lúc): He came here at 6 o'clock.
- In (vào: mùa, tháng, năm): Is it hot or cold in the summer?
- About (vào khoảng: thời gian): He arrived about 10 o'clock.
- By (vào lúc, trước lúc): She sleeps by day and works by night.

2. Prepositions of place or position (Giới từ chỉ nơi chốn hay vị trí):

- At (ở, tại): I live at 552 Dien Bien Phu Street.
- Above (ở bên trên, cao hơn): My bedroom is immediately above the living room.
- In (ở trong, ở tại): What have you got in pocket?
- On (ở trên: sát trên): There are some apples on the table.
- Before (ở đằng trước) = in front of: They knelt before the throne.
- By (gần, kế bên): The telephone is by the window.
- Off (cách, khỏi, rời): He fell off a horse.
- Beneath (ở dưới): The boat sank beneath the waves.
- Across (ngang qua, chéo qua, ở bên kia):
He shouted to me from across the room.
- Along (dọc theo): She's going along the corridor.
- About (quanh quẩn, gần): He is walking about the town.

3. Prepositions of cause/ reason (Giới từ chỉ nguyên nhân, lý do).

- Because of (bởi vì): They are here because of us.
- For (bởi vì, vì): He didn't answer for fear of hurting her.
- Of (vì): She's ashamed of her husband's behavior.
- Out of (vì): He did it out of curiosity.
- Thanks to (nhờ, bởi vì):

Thanks to the bad weather, the match was cancelled.

- Through (vì, bởi vì, là do):

The accident happened through no fault of mine.

4. Prepositions of purpose (Giới từ chỉ mục đích).

- For (mục đích là, để):

Are you learning English for pleasure or for your work?

- In order to, so as to (để, cốt để):

She arrived early in order to get a good seat.

- To (để): She employed a secretary to help with her work.

5. Prepositions of manner (Giới từ chỉ thể cách).

- With (với): He welcomed her with open arms.
- Without (không có): She walked past me without speaking.
- Like (như): He walked like an old man.

6. Prepositions of means (Giới từ chỉ phương tiện).

- By (bằng, nhờ): May I pay by cheque?
- By (bằng): You can go by bus?
- On (bằng, trên): He went on foot.
- In (bằng): Please write in ink.
- Through (bằng, nhờ, từ): We heard about it through some friends.
- With (bằng): He fought with a sword.

7. Prepositions of relation (Giới từ chỉ sự quan hệ).

- About (về): What is he angry about?
- On (về): Would you like to attend on Shakespeare?

NHÀ XUẤT BẢN THỂ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo – Hà Nội – Việt Nam

Tel : 84-4-8253841

Fax : 84-4-8269578

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM GIỚI TỪ TIẾNG ANH
Xuân Bá

Chịu trách nhiệm xuất bản

MAI LÝ QUẢNG

Biên tập:	TRẦN ĐOÀN LÂM
Sửa bản in:	ĐẶNG PHƯƠNG NAM
Chế bản:	MINH TRANG
Trình bày bìa:	NGÔ XUÂN KHÔI